

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty: Báo cáo đánh giá công tác quản lý kinh doanh của Công ty năm 2014 như sau.

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NĂM 2014:

- Năm 2014, tốc độ tăng trưởng GDP tăng 5,98% trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14% so với năm 2013; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2014 tăng ở mức 1,8%; Xuất siêu đạt 2 tỷ USD bằng 1,31% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tuy nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn nhưng đã có nhiều chuyển biến tích cực, đúng hướng với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; tăng trưởng hợp lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức mạnh cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tổng sản lượng xi măng tiêu thụ năm 2014 đạt 48,77 triệu tấn, tăng 6,5% so với năm 2013. Thị phần xi măng của Vicem năm 2014 là 35,5% tăng 0,7% so với năm 2013.

- Nhìn chung nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành xi măng nói riêng trong năm 2014 có chuyển biến nhưng chậm chạp.

Trước bối cảnh khó khăn đó, HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt công tác SXKD của Công ty thông qua các chủ trương, giải pháp đồng bộ bằng những Nghị quyết cụ thể, linh hoạt đáp ứng được sự phát triển của Công ty.

1. Kết quả một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Sản xuất Clinker: 3.041.804 tấn, đạt 100,4% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 113% so với năm 2013.

- Tiêu thụ sản phẩm: 4.325.602 tấn, đạt 107% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 110% so với năm 2013. Trong đó tiêu thụ xi măng tăng 4% so với năm 2013. Giữ vững và phát triển được thị phần ở các thị trường.

- Doanh thu thuần: 4.332,647 tỷ đồng, đạt 104% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 116% so với năm 2013.

- Lợi nhuận trước thuế 206,321 tỷ đồng bằng 129% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Lợi nhuận sau thuế: 163,19 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách: 86,925 tỷ đồng.

- Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu: 1.706 đồng /CP.

- Duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm. Hầu hết mức tiêu hao vật tư giảm so với định mức; Nâng cao được mức nền Clinker lên từ 2 - 3 MPa so với năm 2013, tỷ lệ sử dụng Clinker trong xi măng ở mức thấp góp phần hạ giá thành sản phẩm.

- Đã hoàn thành kiểm toán đối với các gói thầu của dự án dây chuyền mới, đang làm các thủ tục để thanh lý. Triển khai các dự án đầu tư theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014.

2. Tổng kết các cuộc họp và các Nghị quyết của HĐQT:

Để triển khai triệt để và có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014. Hội đồng quản trị đã tiến hành họp theo định kỳ và ban hành các Nghị quyết của HĐQT. Cụ thể:

Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp theo định kỳ và ban hành 6 Nghị quyết, như sau:

- Nghị quyết số: 514/NQ - HĐQT ngày 12/03/2014 về Mục tiêu - Nhiệm vụ chủ yếu quý II năm 2014.

- Nghị quyết số: 884/NQ-HĐQT ngày 23/4/2014 về việc thay đổi nhân sự tha gia quản lý phần vốn của Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn tại Công ty cổ phần xi măng Miền Trung.

- Nghị quyết số: 1442/NQ-HĐQT ngày 3/7/2014 về việc trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (Giai đoạn 1) dự án Khu trung tâm điều hành Vicem Bỉm Sơn.

- Nghị quyết số: 1755/NQ - HĐQT ngày 8/08/2014 về Mục tiêu - Nhiệm vụ chủ yếu quý III năm 2014.

- Nghị quyết số: 2585/NQ - HĐQT ngày 15/10/2014 về Mục tiêu - Nhiệm vụ chủ yếu quý IV năm 2014.

- Nghị quyết số: 751/NQ-HĐQT ngày 31/3/2015 về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, mục tiêu nhiệm vụ Quý I năm 2015.

Nội dung các Nghị quyết trên tập trung giải quyết một số nội dung trọng tâm sau:

Định hướng và chỉ đạo các giải pháp để thực hiện mục tiêu ngân sách năm 2014, nhiệm vụ các Quý trong năm 2014, bao gồm:

- Chỉ đạo các giải pháp ổn định sản xuất, khai thác hiệu quả năng suất thiết bị, cải thiện mức nền Clinker để giảm tỷ lệ sử dụng Clinker trong xi măng, tăng hiệu quả trong hoạt động SXKD.

- Chỉ đạo Công ty thực hiện tốt các chính sách bán hàng, công tác phối hợp thị trường giữa các đơn vị trong Vicem nói riêng và trong ngành xi măng nói chung.

- Chỉ đạo công tác tái cấu trúc lại Công ty.

- Chỉ đạo xây dựng KH ngân sách năm 2015 trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Tình hình cổ đông

Tình hình cổ đông tại thời điểm 18/3/2015 như sau:

STT	Cổ đông	Cổ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước	69.972.062	699.720.620.000	73
2	Cổ đông khác	25.689.335	256.893.350.000	27
3	Tổng cộng	95.661.397	956.613.970.000	100

4. Giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành:

- Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo nghị quyết các cuộc họp.

- Năm 2014, Tổng Giám đốc điều hành đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ một cách linh hoạt, sáng tạo theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Bim sơn. Bám sát kế hoạch ngân sách của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị để có biện pháp điều hành linh hoạt trong sản xuất kinh doanh, phối hợp nhịp nhàng giữa sản xuất và tiêu thụ; thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Kết quả đạt được theo báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán. Đảm bảo kết quả kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như từng thành viên Hội đồng quản trị:

Thực hiện theo đúng Nghị quyết số 838/NQ - ĐHĐCĐ 2014 ngày 17/4/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2015:

Năm 2015 dự báo nền kinh tế có mức tăng trưởng cao hơn năm 2014: GDP khoảng 6 ÷ 6,2 %, CPI khoảng 5%, lãi vay khoảng 5 ÷ 7 %/năm. Nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 30% GDP.

- Ngành xi măng nói chung và xi măng Bim Sơn nói riêng tiếp tục sẽ gặp khó khăn trong thời gian tới: Cung cầu vẫn mất cân đối, áp lực trả nợ vay của các dự án, giá điện tăng, các thị trường diễn biến phức tạp và ngày càng quyết liệt hơn,...

Từ những thách thức nêu trên, để đạt được các mục tiêu ngân sách, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo một số nội dung chính, như sau:

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Clinker sản xuất: 2.915.000 tấn.
- Tiêu thụ sản phẩm: 4.097.000 tấn. Trong đó: XM 3.582.000 tấn; CLK: 515.000 tấn.
- Doanh thu thuần: 4.192,953 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 171,74 tỷ đồng.

- Dự kiến mức cổ tức: 0 %/ năm.

2. Một số biện pháp chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ:

2.1. Về hoạt động sản xuất:

- Tiếp tục triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng clinker, đảm bảo 100% clinker có mức nền > 50 Mpa.

- Nghiên cứu các giải pháp để giảm tỷ lệ sử dụng clinker trong các chủng loại xi măng. Trước mắt giao chỉ tiêu sử dụng clinker cho xi măng PCB 30 không vượt quá 60%, kiểm soát tốt độ lệch chuẩn xi măng.

- Tiếp tục kiểm soát tiêu hao năng lượng, nâng cao công tác quản lý và tiết kiệm xăng dầu.

- Xây dựng quy định, quy trình cho việc kiểm soát sản phẩm xi măng tại chi nhánh Quảng Trị và các điểm gia công.

2.2. Về hoạt động tiêu thụ:

- Tăng thị phần tiêu thụ xi măng tại các địa bàn cốt lõi, có lợi thế về vận tải, tiếp tục quản lý và đào tạo nâng cao trình độ của nhân viên. Kiểm soát tốt chuỗi hệ thống phân phối, thị trường tiêu thụ để đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ xi măng.

- Đa dạng hóa sản phẩm, tập trung phát triển xi măng cho phân khúc công nghiệp.

- Xây dựng và thực hiện chính sách chương trình nông thôn mới của tỉnh Thanh hóa năm 2015

2.3. Về hoạt động đầu tư xây dựng:

- Triển khai Dự án chuyển đổi công nghệ hệ thống nghiền xi măng đến đóng bao.

- Triển khai thanh lý dây chuyền 1: Tiến hành rà soát, phân loại các thiết bị, các hạng mục công trình có thể tận dụng được để tiến hành thanh lý trong năm 2015.

- Triển khai đầu tư công trình cải tạo mở rộng mỏ sét Cổ Đàm.

- Tiếp tục triển khai các dự án dở dang của năm 2014 chuyển sang.

2.4. Về hoạt động tài chính:

- Chủ động đàm phán, thương thảo với các tổ chức tín dụng để các khoản vay có lãi suất tối ưu.

- Xây dựng kế hoạch nguồn vốn cho các dự án đầu tư từ nay tới năm 2017 để chủ động trong công tác quản trị dòng tiền.

2.5. Về hoạt động quản trị:

- Tiếp tục công tác tái cấu trúc toàn bộ Công ty, xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức trên cơ sở sắp xếp lại các công đoạn sản xuất và quản trị tối ưu hóa theo chuỗi giá trị. Tiếp tục điều động và luân chuyển cán bộ nhằm phát huy tối đa khả năng của CBCNV.

- Triển khai xây dựng hệ thống thang bảng lương mới.

- Xây dựng hệ thống các quy trình trong quản lý, điều hành của Công ty.

3. Mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng quản trị và trưởng ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên ban kiểm soát và thư ký Công ty: 3.000.000 đồng/tháng.

Hội đồng quản trị tin tưởng rằng, với truyền thống tốt đẹp của đơn vị, với sự nhiệt huyết của toàn thể CBCNV Công ty và sự ủng hộ của các cổ đông. Công ty sẽ vượt qua được những khó khăn để hoàn thành thắng lợi được các mục tiêu đã đề ra, góp phần ổn định công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động và lợi ích của các cổ đông.

Hội đồng quản trị kính trình báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty./.

Nơi nhận:

- HĐQTV T Cty (b/c);
- Tổng Công ty CNXMVN (b/c);
- Chủ tịch và các TV HĐQT Cty;
- Ban Tổng Giám đốc Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- ĐU, CĐ, ĐTN Công ty;
- Các đơn vị trong Cty;
- Lưu: Văn thư, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Việt Thắng

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

MỤC TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

A. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2014

I. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

• Thuận lợi

- Kinh tế Việt Nam trong năm 2014 được ghi nhận như một năm bản lề chuyển sáng tích cực và rõ rệt, GDP năm 2014 ước tăng 5,98% cao nhất từ năm 2011 đến nay; trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14%.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt trên 1.220 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm trước, bằng 31% GDP.

- Cán cân thương mại đã có thặng dư khá với mức xuất siêu cả năm đạt 2 tỷ USD bằng 1,3% tổng kim ngạch xuất khẩu.

- Lạm phát cũng đã được kiểm soát tốt. CPI tháng 12 năm nay chỉ tăng 1,84% so tháng 12/2013, là mức thấp nhất trong vòng 13 năm trở lại đây.

- Thị trường bất động sản đã có nhiều khởi sắc tích cực.

Nguồn: Tổng cục thống kê và Bộ kế hoạch & Đầu tư

• Khó khăn

- Thị trường xi măng Việt Nam “cung” vượt xa so với “cầu” nên cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn.

- Lãi suất ngân hàng tuy giảm nhưng các doanh nghiệp vẫn khó tiếp cận được nguồn vốn vay để phục hồi sản xuất và kinh doanh.

- Quy định siết chặt quản lý hoạt động vận tải và kiểm soát tải trọng phương tiện của Bộ Giao thông vận tải từ ngày 1/4/2014 ảnh hưởng lớn đến giá cước vận tải.

• Ngành xi măng

- Tiêu dùng xi măng năm 2014 đạt 48,77 triệu tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ 2013. Trong đó khu vực Miền Bắc tăng nhẹ 1,5%, Miền Trung tăng cao nhất 12,1% và Miền Nam tăng 8,1%.

- Thị phần Vicem năm 2014 là 35,5% tăng 0,7% so với năm 2013 (năm 2013: 34,8%).

- Tổng sản phẩm tồn kho Vicem tính đến ngày 31/12/2014 là: 1,39 triệu tấn (trong đó clinker 1,08 triệu tấn tương đương 21 ngày sản xuất).

Nguồn: Tổng Công ty CNXM Việt Nam

II. HOẠT ĐỘNG TIÊU THỤ

1. Kết quả thực hiện năm 2014

• Sản lượng: (ĐVT: tấn)

Chỉ tiêu	TH Năm 2014	KHNS Năm 2014	TH Năm 2013	TH/NS (%)	(%) So với cùng kỳ
Xi măng	3.573.126	3.795.000	3.451.277	94%	104%
<i>Nội địa</i>	<i>3.190.517</i>	<i>3.395.000</i>	<i>2.964.008</i>	<i>94%</i>	<i>108%</i>
<i>Xuất khẩu</i>	<i>382.609</i>	<i>400.000</i>	<i>487.269</i>	<i>96%</i>	<i>79%</i>
Clinker	752.475	250.000	488.232	301%	154%
Tổng số	4.325.602	4.045.000	3.939.509	107%	110%

• Sản lượng theo địa bàn (ĐVT: tấn).

Địa bàn	Năm 2013	TH 2014	NS 2014	% So sánh	
				NS 2014	TH 2013
Hà Nội	482.194	448.470	521.000	86%	93%
H. Bình Sơn la	65.697	54.146	75.000	72%	82%
Nam Định	398.499	324.763	420.000	77%	81%
Thanh Hóa	912.971	1.021.531	975.000	105%	112%
Nghệ An	226.513	266.691	230.000	116%	118%
Hà Tĩnh	228.712	213.211	255.000	84%	93%
Quảng Bình	91.426	74.363	109.000	68%	81%
Quảng Trị	137.611	201.538	158.000	128%	146%
T.T. Huế	51.739	61.033	80.000	76%	118%
Đ.N; Q.N; Q.Ng	116.343	298.475	301.000	99%	257%
Xuất khẩu, xuất khác	487.269	382.609	400.000	96%	79%

• Thị phần tại các địa bàn

STT	Địa bàn	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	So sánh Cùng kỳ ($\pm\%$)
1	Hà Nội	38%	37%	-1%
2	Nam Định	37%	32%	-5%
3	Thanh Hóa	50%	53%	+3%
4	Nghệ An	13%	13%	0%
5	Hà Tĩnh	43%	28%	-15%
6	Quảng Bình	27%	22%	-5%
7	Quảng Trị	48%	55%	+7%
8	T.T. Huế	15%	16%	+1%
9	Quảng Ngãi	17%	35%	+18%

• Tỷ trọng sản phẩm

Sản phẩm	Năm 2013	Năm 2014	% So sánh cùng kỳ
Xi măng PCB30	50,1 %	42,4%	-7,70%
Bao	46,2%	39,0%	-7,20%
Rời	3,9%	3,4%	-0,50%
Xi măng PCB40	27,1 %	36,0%	+8,90%
Bao	22,3%	28,5%	+6,20%
Rời	4,8%	7,5%	+2,70%
Xi măng PC40 rời+khác	22,8%	21,6%	-1,20%

2. Nhận xét

- Thị phần và sản lượng gia tăng tại những địa bàn có lợi thế về logistic: Thanh Hóa; Quảng Trị, Quảng Ngãi. Sự giảm tại những địa bàn xa điểm xuất hàng so cùng kỳ: Hà Nội, Hà Tĩnh.
- Thị hiếu người tiêu dùng tiếp tục có xu hướng thay đổi chuyển từ sử dụng PCB30 sang PCB40. Đặc biệt có sự chuyển dịch từ xi măng bao sang xi măng rời.
- Sản lượng xuất khẩu giảm so cùng kỳ do việc hạn chế tải trọng nên đã ảnh hưởng đến thời gian đáp ứng đơn hàng.

3. Một số tồn tại

- Vẫn còn tồn tại vấn đề bán lán, bán tranh giữa các cửa hàng VLXD, giữa các NPPC.
- Sự phối hợp thị trường của các thành viên trong Vicem còn chông lán.
- Vẫn còn xảy ra khiếu nại của khách hàng về chất lượng xi măng. Đặc biệt là việc phân biệt chất lượng giữa xi măng nghiền tại nhà máy và các trạm nghiền.

III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

1. Kết quả thực hiện

a. Sản lượng thực hiện năm 2014 tại Nhà máy (ĐVT: tấn)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Ngân sách 2014	Thực hiện 2013	% So sánh với	
				NS	Cùng kỳ
Clinker sản xuất	3.041.804	3.030.000	2.693.444	100%	113%
Lò 2	1.225.749	1.223.000	957.635	100%	128%
Lò 3	1.816.055	1.807.000	1.735.808	101%	105%
XM tại NM	2.685.944	2.831.000	2.898.306	95%	93%
XM bột	2.685.944	2.831.000	2.898.306	95%	93%
XM bao	1.878.153	2.140.000	2.203.179	88%	85%
XM tại Q. Trị	256.215	247.000	198.921	104%	129%
XM bột	256.215	247.000	198.921	104%	129%
XM bao	207.624	194.000	176.895	107%	117%

b. Kết quả thực hiện Xi măng Miền Trung (ĐVT: tấn)

Sản phẩm	ĐVT	Năm 2014			Năm 2013	%TH/CK
		Thực hiện	KHNS	%TH/KH		
Nghiền xi măng	Tấn	289.823	350.000	83%	91.599	316%
Đóng bao	“	228.951	260.000	88%	80.154	286%

c. Năng suất thiết bị tại Nhà máy (ĐVT: tấn/h)

Thiết bị	Thực hiện Năm 2013	Thiết kế	Thực hiện Năm 2014	NS/Thiết kế (%)	NS/Cùng kỳ (%)
Dây chuyền 2					
Lò nung số 2	153,1	145,8	152,3	104%	99%
NXM 4	94,4	100	95,7	96%	101%
Dây chuyền 3					
Lò nung số 3	226,4	229,2	227,9	99%	101%
NXM 5	134,0	125	134,6	108%	100%
NXM 6	135,7	125	135,1	108%	100%
Đóng bao mới	94,2	100	94,6	95%	100%

d. Năng suất thiết bị Trạm Nghiền Quảng Trị (ĐVT: tấn/h)

STT	Thiết bị	Thiết kế	Thực hiện Năm 2014	NS/Thiết kế (%)
1	Máy nghiền xi măng 03.03	45	51,47	114%
2	Máy đóng bao 04.14	90	58	64%

e. Năng suất thiết bị Xi măng Miền Trung

Thiết bị	Thiết kế (t/h)	Mục tiêu (t/h)	Thực hiện (t/h)	T.Hiện/M.Tiêu (%)
Nghiền xi măng PCB30	80	75	70	93%
Nghiền xi măng PCB40	65	70	65	93%
Máy đóng bao 26.06	120	100	100	100%

f. Chất lượng sản phẩm

Công đoạn	Chỉ tiêu	Chỉ số	TH Năm 2014 (%)	TH Năm 2013 (%)
Lò 2	R_{28} (N/mm ²)	$R_{28} \leq 50$	7,14	53,42
		$50 < R_{28} \leq 55$	72,62	34,25
		$55 < R_{28} < 57$	14,29	9,59
		$R_{28} \geq 57$	5,95	2,74
	HS biến phân cường độ	%	4,27	6,85
Lò 3	R_{28} (N/mm ²)	$R_{28} \leq 50$	4,76	39,18
		$50 < R_{28} \leq 55$	70,24	41,24
		$55 < R_{28} < 57$	11,90	11,34
		$R_{28} \geq 57$	13,10	8,25
	HS biến phân cường độ	%	4,6	7,23

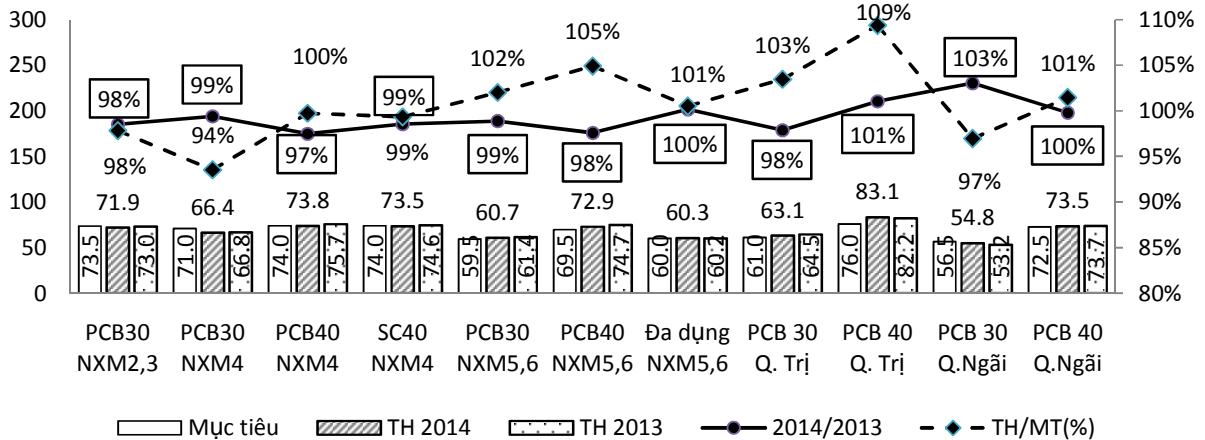
- Chất lượng clinker lò 2: R_{28} đạt 52,98 MPa cao hơn $\approx 3,0$ MPa so với cùng kỳ năm 2013 (49,93 MPa).

- Chất lượng clinker lò 3: R_{28} đạt 53,43 MPa cao hơn $\approx 2,0$ MPa so với cùng kỳ năm 2013 (51,31 MPa).

g. Tỷ lệ clinker và pha phụ gia đá vôi

Chất lượng clinker đã cải thiện nhiều nhưng tỷ lệ sử dụng clinker trong một số sản phẩm xi măng chưa đạt mục tiêu đề ra. Nguyên nhân chính là công đoạn NXM không đáp ứng được mức tiêu thụ sản lượng cao, phải huy động NXM2,3 đồng thời SX nhiều chủng loại. Tuy nhiên tỷ lệ pha phụ gia nói chung và đá vôi nói riêng đã tăng so với cùng kỳ.

• Tỷ lệ sử dụng Clinker trong SP Xi măng năm 2014 so với mục tiêu và cùng kỳ



• Tỷ lệ pha phụ gia đá vôi trong SP Xi măng năm 2014

TT	Chủng loại	Máy nghiền xi măng số 2,3 (%)			Máy nghiền xi măng số 4 (%)			Máy nghiền xi măng số 5, 6 (%)		
		Đá vôi	Sét đen	Tổng phụ gia	Đá vôi	Sét đen	Tổng phụ gia	Đá vôi	Sét đen	Tổng phụ gia
1	PCB30	2,8	0,4	24,5	8,3	0	30,0	9,8	1,3	35,8
2	PCB40				6,4		22,6	6,2		23,5
3	SC40				5,6		22,8	5,0		23,7
4	Đa dụng				5,9		33,0	10,4	1,9	36,1

- Tỷ lệ Đá vôi trong PCB40: 6,4% tăng 0,7% so với 2013 (5,7 %)
- Tỷ lệ Đá vôi trong PCB30: 9,8% tăng 0,1% so với 2013 (9,7 %)
- Tỷ lệ Đá vôi trong Đa dụng: 10,4% tăng 0,2% so với 2013 (10,2 %)

h. Tiêu hao

• Tiêu hao than:

- Lò 2: 837,6 kcal/kg clk cao hơn cùng kỳ năm 2013 (833,2 kcal/kg clk)
- Lò 3: 841,0 kcal/kg clk tương đương cùng kỳ năm 2013.

Tuy nhiên, vẫn chưa đạt mục tiêu 825 kcal/kg clk do: Lò còn hay dừng vặt, kiểm soát chất lượng sửa chữa chưa chặt chẽ; Nghiền than 3 không đảm bảo năng suất, độ mịn; Cooler 2 hoạt động không ổn định. Cần tiếp tục nghiên cứu Quy trình kiểm soát chất lượng than cũng như công tác vận hành.

• Tiêu hao điện năng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014 (kWh/T)	Thực hiện 2013 (kWh/T)	Định mức (kWh/T)	% so với 2013	% so với ĐM
SX clinker lò 2	59,11	58,76	62,0	101%	95%
SX clinker lò 3	59,74	59,44	62,0	101%	96%

1. Tồn tại

- Năng lực nghiền xi măng chưa đáp ứng được thời điểm tiêu thụ tăng cao do đó phải huy động máy NXM2,3 hoạt động làm tăng tiêu hao, giảm tỷ lệ pha phụ gia, khó kiểm soát chất lượng sản phẩm

- Dây chuyền 3 đã hoạt động được hơn 4 năm, đã đến kỳ đại tu nên đã bộc lộ nhiều điểm yếu, đặc biệt: Lọc bụi tĩnh điện; máy lạnh đã hỏng trường 1 kém hiệu quả; phôi bụi đường vát lên ống gió 3; thiết bị Cooler 3 xuống cấp; Xích tiếp liệu tấm máy đập đá CT22, HGT của máy cào đá hoạt động không ổn định,...

- Cooler 2 chưa xử lý triệt để hiện tượng dòng sông đỏ. Nhiệt độ linker còn cao ảnh hưởng đến công đoạn NXM4, tuổi thọ ghi ngắn.

- Tỷ lệ pha phụ gia tại Chi nhánh Trạm nghiền Quảng trị còn thấp do chưa cải tạo được máy nghiền (PCB40 từ 10÷13,5%; PCB30 từ 30,8÷34,6%).

IV. TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ

1. Tài chính

- Kết quả các chỉ tiêu chủ yếu năm 2014 (ĐV: triệu đồng).

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2014	Thực hiện Năm 2013	Ngân sách Năm 2014	So với KH ngân sách (%)	So với cùng kỳ 2013 (%)
1. Tổng doanh thu	4.332.647	3.728.691	4.165.832	104%	116%
<i>D.Thu tại nhà máy</i>	<i>3.663.931</i>	<i>3.503.064</i>	<i>3.097.224</i>	<i>109%</i>	<i>103%</i>
2. Tổng chi phí	4.276.710	3.742.695	3.970.048	108%	115%
Giá vốn hàng bán	3.438.168	3.011.725	3.196.256	108%	115%
Chi phí bán hàng	280.204	195.376	231.291	122%	144%
Chi phí Quản lý	173.534	165.862	161.600	111%	108%
Chi phí Tài chính	384.804	369.733	380.901	100%	104%
- Lãi vay					
+ Lãi vay ngắn hạn	77.064	81.827	71.545	108%	94%
+ Lãi vay dài hạn	130.394	181.869	133.749	96%	71%
- CP tài chính khác					
+ Tỷ giá thời kỳ đầu tư	172.212	12.596	147.846	116%	1.367%
+ Tỷ giá PS, CK	2.437	91.470	27.761	9%	3%
+ Khác	2.698	1.970			137%
3. Doanh thu HĐ TC	147.016	8.617			1.629%
4. Lợi nhuận khác	3.368	7.272			48%
5. Tổng LN trước thuế và chi phí tài chính	591.125	371.617	576.685	103%	156%
6. Tổng LN trước thuế	206.321	1.884	195.784	105%	10.373%
7. Nộp ngân sách NN	86.925	153.967	158.543	55%	56%
8. EBITDA/D.thu	23%	19%	21%		
<i>EBITDA/D.thu tại NM</i>	<i>27%</i>	<i>21%</i>	<i>26%</i>		

- Các giải pháp tài chính đã thực hiện

- Đàm phán với các tổ chức tín dụng để có các khoản vay lãi xuất tối ưu.
- Kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị.
- Phối hợp lập thủ tục thanh lý tài sản, vật tư ứ đọng không còn sử dụng.
- Đàm phán, thỏa thuận với các nhà cung cấp để: giảm giá bán và thời hạn thanh toán.

2. Đầu tư

• Dự án Dây chuyền mới

- Hoàn thành quyết toán và kiểm toán 68/68 gói thầu. Thanh lý thêm 11 gói thầu.
- Hoàn thành kiểm kê, đánh giá, định giá và bàn giao VTTB dư thừa sau thi công cho Công ty quản lý và sử dụng.

• Dự án Trung tâm điều hành Vicem Bim Sơn

UBND tỉnh Thanh hóa đã giao đất thi công giai đoạn 1 và đã tiến hành khởi công và đang triển khai xây dựng hàng rào.

• Dự án Nghiên xi măng đến Đóng bao và kho chứa.

Hoàn thành lập, thẩm định dự án ĐTXD và đang xin thỏa thuận phê duyệt của cấp trên.

• Dự án tuyển băng tải vận chuyển đá sạch, vận chuyển xi măng.

Đã lựa chọn và ký kết hợp đồng với các nhà thầu thi công.

• Dự án mở rộng nâng cấp đường Trần Nhân Tông.

Hoàn thành công tác lập dự án đầu tư và đang tiến hành thẩm định hồ sơ.

• Dự án cải tạo đường Trần Hưng Đạo.

Đã lựa chọn được nhà thầu thi công và đang tổ chức thi công.

• Dự án sửa chữa và cải tạo cooler lò nung số 2.

Hoàn thành lập, phê duyệt dự án, hồ sơ mời thầu. Xong đang xem xét lại Phương án kỹ thuật theo đề xuất của IKN – chi phí đầu tư thấp hơn.

V. QUẢN TRỊ

1. Tổ chức & Nguồn nhân lực

- Hoàn thành việc thành lập, sắp xếp lao động các đơn vị: Đội cân điện tử, sắp xếp lại các tổ, đội xưởng Sửa chữa công trình, xưởng Sửa chữa cơ khí và Tổng kho VTTB.
- Hoàn thành xây dựng bước 1 hệ thống thang bảng lương.
- Lao động đến ngày 31/12/2014 là: 1931 người.
- Giải quyết chính sách cho người lao động là 102 người, trong đó nghỉ hưu sớm và chấp dứt hợp đồng lao động là 60 người (với số tiền ủng hộ là 5,9 tỷ đồng).
- Quỹ tiền lương thực hiện là: 255,630 tỷ đồng.
- Rà soát, sửa đổi và ban hành 11 quy định nội bộ Công ty.
- Tổng chi phí đào tạo 5,45 tỷ đồng

2. Công nghệ thông tin

- **Hệ thống Facilio:** Triển khai áp dụng hệ thống vào trong công tác quản lý, giám sát, lập kế hoạch bảo dưỡng, bảo trì và sửa chữa thiết bị trong toàn bộ dây chuyền.

- **Dự án ERP:** Đã lắp đặt các máy chủ, mạng vào hệ thống; Triển khai dự án Quản lý ngân sách Hyperion, đào tạo, chuẩn bị cho kế hoạch thực hiện tiếp theo.

- **Phần mềm quản lý ngân sách Hyperion:** Duy trì hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng.

3. Công tác ATLD và VSMT

- Đã hoàn thiện bộ quy trình quản lý môi trường ISO 14001-2004.

- Quy hoạch tổng thể mặt bằng nhà máy: trồng cây xanh, cải thiện môi trường... Giảm thiểu độc hại do rác thải, hạn chế khói bụi, tiếng ồn.

- Rà soát, sửa đổi, biên soạn và ban hành quy định ATLĐ; PCCN và VSMT.
- Đào tạo, huấn luyện các lớp có yêu cầu về an toàn nghiêm ngặt.

4. Công tác thanh lý tài sản

- Thanh lý các tài sản là bất động sản tại 04 vị trí: Nghệ An (03) và Hà Nội (01) với tổng giá trị thanh lý là 1,929 tỷ đồng thông qua hình thức đấu giá.

- Đã trả lại đất được 02 vị trí tại Hà Nội và Nghệ An.

B. MỤC TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

- Kinh tế thế giới

Dự báo nền kinh tế thế giới tăng trưởng khoảng 4%, trong đó Mỹ tăng trưởng 3%, khu vực đồng Euro tăng 1,4%. Tuy nhiên một số nước gặp khó khăn về tài chính và tình hình bất ổn về chính trị sẽ kéo tăng trưởng chậm.

- Kinh tế Việt Nam

Năm 2015 dự báo có mức phục hồi cao hơn năm 2014 và mức tăng trưởng khoảng 6%-6,2%. CPI khoảng 5%. Lãi vay 5%-7%. Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 30% GDP.

- Xu hướng ngành xi măng

Ngành xi măng thế giới tăng trưởng khoảng 4%. Các nước phát triển tăng trưởng bình quân 5,3%.

Trong nước cung vượt cầu khoảng 10 triệu tấn (tổng cung 82,5 triệu tấn, nhu cầu 72,5 triệu tấn). Trong đó tiêu thụ nội địa khoảng 52,8 triệu tấn, xuất khẩu khoảng 20 triệu tấn.

Từ những thách thức nêu trên để phát triển một cách bền vững Công ty đặt ra các mục tiêu phân đầu và thực hiện trong năm 2015 ở các lĩnh vực cụ thể như sau:

I. SẢN XUẤT

1. Mục tiêu sản lượng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015
Sản xuất clinker:	Tấn	2.915.000
Lò 2	“	1.166.000
Lò 3	“	1.749.000

1.1. Các giải pháp

- Lập kế hoạch khai thác cụ thể để duy trì ổn định thành phần hóa phối liệu cấp cho lò
- Kiểm soát tiêu hao năng lượng, nâng cao công tác quản lý và tiết kiệm xăng dầu. Kiểm soát và giám sát chặt chẽ nhập nguyên, nhiên liệu đầu vào.
- Tối ưu phối liệu, vận hành sản xuất clinker nâng cao mức nền. Mục tiêu R28 $\geq 85\%$: lò 2 $\geq 52\text{MPa}$; lò 3 $\geq 54\text{MPa}$; Điện năng 2 lò $\leq 56 \text{ kWh/tấn clinker}$; than $\leq 825 \text{ kcal/kg clk}$.
- Xây dựng quy trình kiểm soát thiết bị, bảo dưỡng phòng ngừa. Giao nhiệm vụ cho các đơn vị nhằm đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, có chế tài khi để xảy ra sự cố.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm trong vận hành thiết bị và sử dụng điện trong sinh hoạt.
- Tổ chức triển khai sửa chữa lớn 2 lò nung đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tiến độ. Đặc biệt hoàn thành cải tạo cooler lò 2 trong thời gian dừng sửa chữa lớn năm 2015.
- Xác định được nguyên nhân và khắc phục triệt để hiện tượng bất ổn của lò 3: phì bụi; lọc bụi tĩnh điện.
- Ổn định sản xuất, khai thác hiệu quả năng suất thiết bị, cải thiện mức nền Clinker để giảm tỷ lệ sử dụng Clinker trong xi măng, tăng hiệu quả trong hoạt động SXKD
- Cải tạo NXM tại Trạm nghiền Quảng Trị, tăng tỷ lệ pha phụ gia.
- Hỗ trợ Xi măng Miền Trung để nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực xuất hàng. Đặc biệt đưa phân khúc PCB40 CN vào thị trường.

II. TIÊU THỤ

1. Mục tiêu sản lượng

Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu 2015
Tổng tiêu thụ	Tấn	4.097.000
Xi măng	“	3.582.000
Clinker	“	515.000

2. Mục tiêu thị phần

Hà Nội	Nam Định	Thanh Hóa	Nghệ An	Hà Tĩnh	Quảng Bình	Quảng Trị	TT Huế	Quảng Ngãi
40	35	55	13	30	30	60	20	40

2.1. Các giải pháp

- Đa dạng hóa sản phẩm. Đặc biệt xi măng cho phân khúc công nghiệp.
- Kiểm soát hoạt động của các NPPC, thống nhất giá bán đến từng địa bàn và lợi nhuận NPPC, cửa hàng VLXD.
- Thực hiện chính sách chương trình nông thôn mới của tỉnh Thanh hóa năm 2015.
- Lắp đặt kết cấu XM tại Quảng Trị & Quảng Ngãi đáp ứng đa dạng hóa sản phẩm.
- Ứng dụng hiệu quả CNTT trong bán hàng và quản lý khách hàng
- Truyền thông bộ giá trị của xi măng Bim Sơn tới khách hàng.

III. TÀI CHÍNH

1. Chỉ tiêu

Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu 2015
Doanh thu thuần	Triệu đồng	4.192.953
Lợi nhuận	“	171,740
Nộp NSNN	“	150.242
EBITDA	“	697.183
Dự kiến chia cổ tức năm 2015	%	0

2. Các giải pháp

- Xây dựng KH tài chính cho các dự án, trả nợ, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động SXKD.
- Phối hợp kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị.
- Nâng cao quản lý công nợ, công tác tài chính nhằm giảm thiểu các rủi ro.
- Giảm vốn vay lưu động.

IV. ĐẦU TƯ

- **Dây chuyền mới:** Hoàn thành việc tổng hợp báo cáo và thẩm tra quyết toán trong quý I/2015 dự án dây chuyền mới.
- **Trung tâm điều hành Vicem Bim Sơn:** Hoàn thành việc xây dựng tường rào, rà phá bom mìn, triển khai công tác san lấp mặt bằng.
- **Chuyển đổi công nghệ NXM đến đóng bao:** Phê duyệt và triển khai thực hiện dự án: Lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp và nhà thầu xây dựng. Tổ chức khởi công xây dựng.
- **Chuyển đổi nâng công suất DC1:** Lựa chọn nhà thầu lập đề án thăm dò, xin cấp phép thăm dò các mỏ nguyên liệu đá vôi, sét.
- **Tuyển bắng tải vận chuyển đá sạch và vận chuyển xi măng:** Tổ chức thi công xây lắp, nghiệm thu và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
- **Sửa chữa và cải tạo cooler lò 2:** Tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện hợp đồng.
- **Mở tuyển vận chuyển đá vôi từ cao độ +28 lên cao độ +140:** Lập và phê duyệt dự án để tổ chức thi công.

V. QUẢN TRỊ

1. Tổ chức & nguồn nhân lực

- Tiếp tục tái cấu trúc cơ cấu tổ chức của Công ty trên cơ sở bám sát chỉ đạo của Vicem và theo định hướng chiến lược phát triển Công ty.
- Tiến hành ký lại hợp đồng lao động cho toàn thể CBCNV trong toàn Công ty.
- Hoàn thiện bộ định mức lao động và hệ thống thang bảng lương mới của Công ty.
- Hoàn thiện hệ thống đánh giá hiệu quả công việc theo KPI, để đánh giá công bằng hơn đồng thời tạo động lực cho người lao động.
- Rà soát, sửa đổi, ban hành các quy định đáp ứng điều kiện SXKD mới của Công ty.
- Thực hiện đào tạo và đào tạo lại theo ngân sách 2015 đã được phê duyệt trên cơ sở tái cấu trúc lại Công ty của OCD và E&Y.

2. Công nghệ thông tin

- Chuẩn hóa lại hệ thống cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin của Công ty.
- Triển khai dự án ERP theo lộ trình của Vicem.
- Hoàn thiện hệ thống báo cáo SXKD, quản trị.
- Xây dựng và nhất triển hệ thống websales và RI

3. An toàn lao động- Vệ sinh môi trường- Phòng chống cháy nổ

- Cấp chứng chỉ và áp dụng quy trình quản lý môi trường ISO 14001-2004
- Thực hiện triển khai quy hoạch mặt bằng nhà máy theo kế hoạch.
- Giảm thiểu độc hại, tăng cường kỷ luật lao động.
- Đào tạo kỹ năng, truyền thông nâng cao ý thức cho người lao động về: ATLĐ- VSMT- PCCN; đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong sản xuất.
- Phấn đấu 7 năm liên tục không có tai nạn lao động nặng, chết người xảy ra.

4. Công tác thanh lý tài sản

- Bán tài sản và trả lại đất, văn phòng, cây xăng tại Ninh Bình và nhà kho, văn phòng tại Thanh hóa.
- Xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thanh lý tài sản tại khu vực Thanh hóa, Sơn Tây.
- Xem xét và đề nghị thanh lý tài sản và trả lại đất cây xăng Ninh Bình.

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn trân trọng báo cáo./.

Số tham chiếu: 60998684/16942373

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 3.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 30 tháng 3 năm 2015 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.299.217.093.702	1.143.271.838.989
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	334.562.473.236	131.030.407.565
111	1. Tiền		124.179.071.028	96.363.495.567
112	2. Các khoản tương đương tiền		210.383.402.208	34.666.911.998
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		6.832.418.778	68.000.001.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6	6.832.418.778	68.000.001.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		484.634.427.924	454.896.487.785
131	1. Phải thu khách hàng	7.1	421.312.571.891	342.784.845.004
132	2. Trả trước cho người bán	7.2	60.655.061.720	103.354.843.395
135	3. Các khoản phải thu khác		6.187.083.956	10.652.720.241
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(3.520.289.643)	(1.895.920.855)
140	IV. Hàng tồn kho	8	451.771.869.454	468.904.990.745
141	1. Hàng tồn kho		454.445.540.247	468.904.990.745
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.673.670.793)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21.415.904.310	20.439.951.894
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	16.745.107.901	1.402.227.028
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	14.467.571.921
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		4.670.796.409	4.570.152.945
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.129.422.060.729	4.428.492.119.656
220	I. Tài sản cố định		3.973.004.943.145	4.206.827.930.436
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.888.597.279.906	4.129.293.157.459
222	Nguyên giá		6.504.438.415.954	6.438.969.911.677
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.615.841.136.048)	(2.309.676.754.218)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.771.086.000	8.974.580.627
228	Nguyên giá		10.720.699.028	10.793.700.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.949.613.028)	(1.819.119.401)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	75.636.577.239	68.560.192.350
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		116.190.198.618	136.222.616.396
251	1. Đầu tư vào công ty con	13	116.190.198.618	116.190.198.618
258	2. Đầu tư tài chính dài hạn khác		-	20.032.417.778
260	III. Tài sản dài hạn khác		40.226.918.966	85.441.572.824
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	40.226.918.966	85.441.572.824
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.428.639.154.431	5.571.763.958.645

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014


Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.958.415.393.465	4.436.461.069.713
310	I. Nợ ngắn hạn		2.605.196.292.495	2.290.512.734.506
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	1.815.159.865.411	1.497.118.496.790
312	2. Phải trả người bán	16	634.808.342.250	674.452.371.266
313	3. Người mua trả tiền trước		6.948.160.692	1.263.147.182
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	47.430.295.577	15.762.197.494
315	5. Phải trả người lao động		50.350.374.058	24.939.824.830
316	6. Chi phí phải trả	18	35.434.808.728	19.549.065.704
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	15.064.445.779	52.198.540.222
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	5.229.091.018
330	II. Nợ dài hạn		1.353.219.100.970	2.145.948.335.207
333	1. Phải trả dài hạn khác		10.693.000	10.693.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	20	1.353.208.407.970	2.145.937.642.207
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.470.223.760.966	1.135.302.888.932
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.470.223.760.966	1.135.302.888.932
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		956.613.970.000	956.613.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		57.006.601.053	57.006.601.053
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(172.211.756.014)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		277.062.432.076	277.062.432.076
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		28.155.543.156	28.155.543.156
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		151.385.214.681	(11.323.901.339)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.428.639.154.431	5.571.763.958.645

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	213	213
- Euro (EUR)	9.000.391	236


Người lập
Lê Hữu Thanh


Trưởng phòng kế toán
Lê Huy Quân


Tổng Giám đốc
Ngô Sỹ Túc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng	22.1	4.451.773.257.523	3.893.348.760.683
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(119.125.964.125)	(164.657.583.527)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	4.332.647.293.398	3.728.691.177.156
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(3.438.167.782.139)	(3.015.757.924.099)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		894.479.511.259	712.933.253.057
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	147.015.521.820	9.022.393.990
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(384.803.869.506) (207.457.625.116)	(369.732.575.187) (263.696.159.918)
24	8. Chi phí bán hàng		(280.204.151.436)	(203.044.657.803)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(173.533.863.806)	(165.861.988.288)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		202.953.148.331	(16.683.574.231)
31	11. Thu nhập khác	25	101.609.356.460	89.954.791.983
32	12. Chi phí khác	25	(98.241.399.934)	(82.987.897.664)
40	13. Lợi nhuận khác		3.367.956.526	6.966.894.319
50	14. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		206.321.104.857	(9.716.679.912)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(43.130.929.520)	(1.451.221.427)
60	16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		163.190.175.337	(11.167.901.339)

clall

lnc



Người lập
Lê Hữu Thanh

Trưởng phòng Kế toán
Lê Huy Quân

Tổng Giám đốc
Ngô Sỹ Túc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Bỉm Sơn, ngày 21 tháng 04 năm 2015

TỜ TRÌNH

" V/v phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2014"

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

Căn cứ điều lệ Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 đã được kiểm toán xác nhận.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2014 cụ thể như sau:

Diễn giải	ĐVT	Nghị quyết ĐHCĐ 2014	Thực hiện 2014	Tỷ lệ % hoàn thành
1. Sản xuất	Tấn			
Trong đó: - Clinker	"	3.030.000	3.041.804	100
- Xi măng	"	3.795.000	3.559.346	94
2. Tổng sản phẩm tiêu thụ	Tấn	4.045.000	4.325.602	107
Trong đó: - Clinker	"	250.000	752.475	301
- Xi măng	"	3.795.000	3.573.126	94
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	4.165,832	4.332,647	104
4. Lợi nhuận trước thuế	"	160,034	206,321	129
5. Lợi nhuận sau thuế	"	124,827	163,190	131
6. Phân phối lợi nhuận	"		163,190	
- Các khoản giảm trừ năm 2014	"		11,805	
- Lợi nhuận còn lại	"		151,385	
+ Chia cổ tức (0%)	"		0	
+ Quỹ đầu tư phát triển	"		129,847	
+ Quỹ khen thưởng ban điều hành	"		0,235	
+ Quỹ khen thưởng	"		10,651	
+ Quỹ phúc lợi	"		10,651	
7. EPS	đ/CP	1.305	1.706	
8. Nợ ngân sách	Tỷ đồng	158,543	86,925	55

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bỉm Sơn, ngày 21 tháng 04 năm 2015

TỜ TRÌNH

" V/v Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015"

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

Căn cứ điều lệ Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn

Căn cứ ngân sách năm 2015

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 cụ thể như sau:

Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2014	Dự kiến năm 2015
1. Sản xuất	tấn		
Trong đó: - Clinker	"	3.041.804	2.915.000
- Xi măng	"	3.559.346	3.322.000
2. Tổng sản phẩm tiêu thụ	Tấn	4.325.602	4.097.000
Trong đó: - Clinker	"	752.475	515.000
- Xi măng	"	3.573.126	3.582.000
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	4.332,647	4.192,953
4. Lợi nhuận trước thuế	"	206,321	220,180
5. Lợi nhuận sau thuế	"	163,190	171,740
6. Phân phối lợi nhuận	"	163,190	171,740
+ Các khoản giảm trừ năm 2014	"	11,805	
+ Chia cổ tức (0%)	"	0	
+ Quỹ đầu tư phát triển	"	129,847	
+ Quỹ khen thưởng ban điều hành	"	0,235	
+ Quỹ khen thưởng	"	10,651	
+ Quỹ phúc lợi	"	10,651	
7. EPS	đ/CP	1.706	1.795
8. Nộp ngân sách	Tỷ đồng	86,925	150,242

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bỉm Sơn, ngày 21 tháng 4 năm 2015

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2015
Công ty cổ phần xi măng Vicem Bỉm Sơn**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn;
Căn cứ Quy chế về tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;

Thực hiện chương trình công tác năm 2014, Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát chung các mặt quản lý trong sản xuất kinh doanh, trong đó tập trung vào công tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, chi phí bán hàng và quản lý công nợ. Trưởng Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Kiểm soát đã thực hiện chế độ làm việc định kỳ và đột xuất, hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ theo đúng Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Ban Kiểm soát xin trình Đại hội đồng cổ đông Công ty báo cáo công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 như sau:

I. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014.

1. Về sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng

Năm 2014, ngành xi măng nói chung và Công ty cổ phần xi măng Vicem Bỉm Sơn nói riêng triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đầu tư xây dựng trong bối cảnh còn nhiều khó khăn: Thị trường xi măng Việt Nam cung vượt xa cầu, cạnh tranh ngày càng gay gắt quyết liệt; giá nguyên nhiên vật liệu, điện, cước vận tải tiếp tục tăng cao làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh; lãi suất vay ngân hàng tuy có giảm nhưng vẫn còn khá cao...

Với sự đoàn kết, quyết tâm đổi mới của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã tổ chức thực hiện thắng lợi những mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đề ra, như sau:

1.1. Về sản xuất kinh doanh

Công ty đã cơ cấu lại tổ chức, áp dụng có hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật và quản trị trong sản xuất, các công đoạn sản xuất chính hoạt động ổn định, năng suất đều vượt so với thiết kế và cùng kỳ năm 2013. Sản lượng clinker đạt cao nhất từ trước đến nay, chất lượng clinker nền được cải thiện đáng kể làm cho tỷ lệ sử dụng clinker trong xi măng giảm hơn so với cùng kỳ. Thực hiện các giải pháp cụ thể như: Lắp thiết bị lấy mẫu tự động trong khâu nhập than, kiểm soát chi phí năng lượng tiêu thụ hàng ngày; thành lập đội tuần tra thăm khám thiết bị; công tác phối liệu và vận hành được nâng cao, thiết bị hoạt động ổn định đảm bảo chất lượng và giảm chi phí năng lượng; thời gian sửa chữa lò nung được rút ngắn từ 1 đến 2 ngày, vẫn đảm bảo chất lượng để

lò hoạt động ổn định liên tục dài ngày; kiểm soát chặt và nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định tỷ lệ pha phụ gia giảm chi phí cho một đơn vị sản phẩm. Kết quả thực hiện :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ %
1	Sản xuất Clinker	tấn	3.030.000	3.041.804	100,4
2	Tiêu thụ sản phẩm	tấn	4.045.000	4.324.808	107,0
3	Doanh thu	tỷ đ	4.165,832	4.332,647	104,0
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	160,034	206,321	128,9
5	Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến)	%	0	0	

1.2. Về đầu tư xây dựng

- Dự án dây chuyền mới:

Đã hoàn thành quyết toán, kiểm toán xong toàn bộ các gói thầu của dự án. Thực hiện cơ bản xong các nội dung kết luận thanh tra dự án số 194/KL-TTr ngày 24/07/2013 của Thanh tra Bộ Xây dựng và các nội dung kết luận của Kiểm toán Nhà nước ngày 26/8/2014.

- Các dự án khác:

+ Dự án nghiên xi măng đến đóng bao: Đang triển khai các thủ tục đầu tư sau khi có thỏa thuận đầu tư của Vicem; Dự án trung tâm điều hành Vicem Bim sơn: Đã khởi công đang xây dựng tường rào; dự án tuyến băng tải vận chuyển đá sạch và băng tải vận chuyển xi măng từ 8si lô hiện có sang đóng bao:: Đang triển khai thi công;

+ Công tác xây dựng nội bộ: Công ty đã rà soát xem xét các danh mục xây dựng đảm bảo hợp lý, tiết kiệm và đúng quy định.

2. Các nội dung khác

- Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị công ty đã lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 là Công ty kiểm toán ERNST & YOUNG Việt Nam.

- Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các Ủy viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thư ký theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ công ty quy định.

II. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

Đánh giá về hoạt động năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tình hình thực tế để kịp thời lãnh đạo, quản lý Công ty trong sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và các mặt công tác khác. Hội đồng quản trị Công ty đều tổ chức họp hàng quý, Ban điều hành họp hàng tháng, hàng tuần để triển khai nghị quyết của HĐQT và kiểm điểm, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện của tháng trước, quý trước, đưa ra các biện pháp, linh hoạt, phù hợp cho tháng sau, quý sau.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 4 cuộc họp, đề ra 5 Nghị quyết với nhiều nội dung cụ thể cần thực hiện. Ban điều hành Công ty đã tích cực tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014 như báo cáo ở phần trên. Một số nội dung cụ thể các mặt sản xuất, tiêu thụ, tài chính, đầu tư... đã được Tổng giám đốc công ty báo cáo.

Các kiến nghị của Ban Kiểm soát đều được Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty thống nhất và chỉ đạo các phòng ban công ty có biện pháp tăng cường quản lý, thực hiện sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả hơn.

Năm 2014 cùng với sự chỉ đạo của Vicem, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã phát huy vai trò lãnh đạo quản lý, linh hoạt, kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng. Kết quả một số chỉ tiêu chính như sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận đều đạt và vượt so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đề ra.

III. Thẩm định báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2014.

1. Tính chính xác, trung thực, hợp pháp, cần trọng trong công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính.

Công ty đã tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính theo đúng Luật Kế toán, chế độ của Nhà nước và Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam quy định. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, đã được kiểm tra, xác nhận các chỉ tiêu như trong báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty.

2. Báo cáo tài chính năm 2014

Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam.

Về cơ bản, báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Các báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2014 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2014.

Sau khi thẩm định, xác nhận các chỉ tiêu chủ yếu về giá trị tài sản và nguồn vốn, cơ cấu tài sản, nguồn vốn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời của công ty tại thời điểm 31/12/2014 đúng như báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

IV. Đánh giá và kiến nghị.

Năm 2014, với nhiều quyết tâm cố gắng, đổi mới cách làm, tăng cường quản lý, kiểm soát cả đầu vào, đầu ra... Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn đã hoàn thành các chỉ tiêu chính như: Sản xuất, tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận mà Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra.

Năm nay, tình hình nền kinh tế còn tiếp tục khó khăn ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh ngành xi măng nói chung và Công ty nói riêng.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2015 và tăng cường quản trị doanh nghiệp, Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị Công ty:

1. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ trong quản lý sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tiết kiệm, chống lãng phí triệt để trong mọi khâu của quá trình sản xuất kinh doanh. Chú trọng công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, đầu tư thiết bị để ổn định sản xuất, tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm;

2. Chỉ đạo quyết liệt trong việc quản lý công nợ phải thu, nhằm giảm tối đa lãi vay ngân hàng. Cân đối, kiểm soát dòng tiền linh hoạt để đảm bảo đủ nguồn vốn cho SXKD và trả nợ dự án. Tích cực trong việc xử lý vật tư tồn kho ứ đọng, chậm luân chuyển;

3. Thực hiện nhanh lộ trình sắp xếp lại các đơn vị, phòng ban trong công ty nhằm phát huy tính năng động và sáng tạo mới;

4. Thực hiện quỹ tiền lương gắn với năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Triển khai áp dụng BSC và KPI sớm trong toàn Công ty để đánh giá, nâng cao hiệu quả công tác của từng CBCNV, từng phòng ban, phân xưởng. Áp dụng thang bảng lương mới phù hợp với thực tế của công ty và đảm bảo đúng tiến độ thời gian Vicem quy định.

V. Giới thiệu Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015

Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét, lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 là Công ty TNHH kiểm toán Ernst & Young Việt Nam.

Năm 2015, với sự lãnh đạo đổi mới của Hội đồng quản trị, việc điều hành năng động linh hoạt của Ban Tổng Giám đốc, sự đoàn kết quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty và sự đồng thuận ủng hộ của tất cả các cổ đông, Ban Kiểm soát công ty tin rằng Công ty sẽ vượt qua mọi khó khăn, để sản xuất kinh doanh có hiệu quả, hoàn thành xuất sắc mọi mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Kính trình báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Tạ Duy

Bỉm Sơn, ngày 21 tháng 4 năm 2015

TỜ TRÌNH
Về việc rà soát, sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty được thông qua hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn tổ chức vào ngày 12 tháng 4 năm 2006. Nội dung của Điều lệ này được soạn thảo trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005. Đến nay, bản Điều lệ đã được sửa đổi, bổ sung 05 lần tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty (Nội dung sửa đổi bổ sung chủ yếu những phát sinh như: Chấm dứt hoạt động của các chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi ngành nghề kinh doanh...).

Ngày 26/11/2014, Quốc hội đã thông qua Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015, để thay thế cho Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005. Nội dung của Luật năm 2014 có nhiều điểm mới so với Luật năm 2005.

Qua 10 năm thực hiện, bản điều lệ hiện hành có nhiều nội dung, không còn phù hợp với tình hình đổi mới, phát triển và các quy định mới của pháp luật

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

Căn cứ thực tế tình hình hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty, Công ty đã rà soát và dự thảo sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ hiện hành, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung khoản 1 Điều 3 về bổ sung ngành, nghề hoạt động của Công ty.
2. Sửa đổi, bổ sung nội dung Khoản 6, 7, 8 Điều 8 của Điều lệ hiện hành theo nội dung tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 122 Luật Doanh nghiệp.
3. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 10 (Chứng chỉ chứng khoán khác) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 10 (Phát hành trái phiếu) theo Điều 127 LDN.
4. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 12 (Thu hồi cổ phần) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 12 (Mua lại cổ phần) theo Điều 129, 130 và 131 LDN.
5. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 13 (Trả cổ tức) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 13 (Trả cổ tức) theo Điều 132 LDN.
6. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 16 (Quyền của cổ đông Công ty) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 16 (Quyền của cổ đông) theo Điều 114 LDN.
7. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 17 (Nghĩa vụ của cổ đông) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 17 (Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông) theo Điều 115

LDN.

8. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 18 (Đại hội đồng cổ đông) và Điều 19 (Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 18 (Đại hội đồng cổ đông) theo Điều 135, 136 LDN.

9. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 22 (Triều tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 21 (Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông) theo Điều 138, 139 LDN.

10. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 24 (Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 23 (Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông) theo Điều 141 LDN.

11. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 25 (Thể thức họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 24 (Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông) theo Điều 142 LDN.

12. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 26 (Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 25 (Hình thức, điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông) theo Điều 143, 144 LDN.

13. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 29 (Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 28 (Yêu cầu huỷ bỏ; hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông) theo Điều 147, 148 LDN.

14. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 30 (Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 29 (Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị). Điều này sửa đổi, bổ sung nội dung từ Khoản 1 đến Khoản 6 thành các Khoản từ 1 đến 4 theo Điều 150, 151, 156 LDN.

15. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 31 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 30 (Quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị) theo Điều 149 LDN.

16. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 32 (Chủ tịch Hội đồng quản trị) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 31 (Chủ tịch Hội đồng quản trị) theo Điều 152 LDN.

17. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 33 (Các cuộc họp của Hội đồng quản trị) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 32 (Cuộc họp Hội đồng quản trị) theo Điều 153, 154, 155 LDN.

18. Bãi bỏ Điều 34 (Tổ chức bộ máy quản lý); Điều 35 (Cán bộ quản lý) của điều lệ hiện hành. Vì nội dung đã có trong các Điều 30 (Quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị) và Điều 33 (Tổng Giám đốc công ty).

19. Bổ sung Điều 34 (Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc) theo Điều 158 LDN.

20. Bổ sung Điều 35 (Công khai các lợi ích liên quan) theo Điều 159 LDN.

21. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 36 (Bổ nhiệm, nhiệm kỳ, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty) của điều lệ hiện hành thành nội dung Điều 33 (Tổng Giám đốc công ty) theo Điều 157 LDN.

22. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 37 (Trách nhiệm cẩn trọng của thành

viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý) của điều lệ hiện hành nội dung Điều 36 (Trách nhiệm của người quản lý công ty) theo Điều 160 LDN.

23. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 38 (Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi) của điều lệ hiện hành nội dung Điều 37 (Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận) theo Điều 162 LDN.

24. Bãi bỏ Điều 39 của điều lệ hiện hành (Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường).

25. Bãi bỏ Điều 40 (Thư ký Công ty) của điều lệ hiện hành vì đã quy định tại Điều 31 (Chủ tịch Hội đồng quản trị) theo Điều 152 LDN.

26. Thay thế nội dung Điều 41 (Ban kiểm soát); Điều 42 (Tiêu chuẩn lựa chọn, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát) của điều lệ hiện hành bằng nội dung các điều:

- Điều 38 (Ban kiểm soát) theo Điều 163, 164 LDN.

- Điều 39 (Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát) theo Điều 165, 166 LDN.

- Điều 40 (Thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên) theo Điều 167 LDN.

- Điều 41 (Trách nhiệm của Kiểm soát viên) theo Điều 168 LDN.

- Điều 42 (Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên) theo Điều 169 LDN.

27. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 43 (Chế độ lưu giữ tài liệu) của điều lệ hiện hành nội dung Điều 43 (Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty) theo Điều 11 LDN.

28. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 45 (Tổ chức Đảng, đoàn thể) của điều lệ hiện hành nội dung Điều 45 (Tổ chức Đảng, đoàn thể).

29. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 46 (Người lao động và Công đoàn) của điều lệ hiện hành nội dung Điều 46 (Người lao động)

30. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 51 (Báo cáo hàng năm, sáu tháng, hàng quý, công bố thông tin và thông báo ra công chúng) của điều lệ hiện hành nội dung Điều 51 (Trình báo cáo hàng năm và công khai thông tin) theo Điều 170, 171 LDN.

31. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 54 (Con dấu) của điều lệ hiện hành nội dung Điều 54 (Con dấu của Công ty) theo Điều 44 LDN.

Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung Công ty đã gửi lên Website Công ty

Kính trình, Đại hội xem xét, thông qua./.

**THỦA UQ. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRƯỞNG PHÒNG TCLĐ**

Nguyễn Trung Hiếu